

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-3-2023.

“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Vũ và bà Phạm Thị Thùy Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 373/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04/10/2023 về việc “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến S - sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 3, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tiến S trình bày:

Anh Nguyễn Tiến S và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tôn giáo và định hình công việc trong tương lai. Giữa anh S và chị H không có tiếng nói chung và không cùng chia sẻ nhau trong cuộc sống. Kể từ ngày 07/8/2018, anh S và chị H không còn chung sống với nhau nữa. Cảm thấy không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị

Thu H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Nguyễn Tiến S và chị Nguyễn Thị Thu H có 01 con chung là Nguyễn Minh Tr - sinh ngày 02/02/2017.

Anh Nguyễn Tiến S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Thu H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị H vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của chị H về yêu cầu khởi kiện của anh S. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc anh S khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H. Về con chung: đề nghị giao con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Anh Nguyễn Tiến S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Thu H là “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến S và chị Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 07/05/2015 là trên cơ sở

tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh S, chị H sinh sống không xác định được mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo trình bày của anh S từ năm 2018 đến nay anh S và chị H đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Do đó, xét thấy giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc anh S yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh S và chị H đã có với nhau 01 con chung là Nguyễn Minh Tr - sinh ngày 02/02/2017.

Nguyện vọng của anh S là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Minh Tr đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Minh Tr còn nhỏ, chưa đủ tuổi để trình bày có nguyện vọng ở với ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý chí của mình về quan hệ hôn nhân và về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Minh Tr cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến S. Anh Nguyễn Tiến S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Tr - sinh ngày 02/02/2017 cho anh Nguyễn Tiến S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải

quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tiến S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2019/0010666 ngày 21/9/2022.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy